MỘT SỐ CÔNG VIỆC VÀ MỐC THỜI GIAN

VỀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026

*(Kèm theo Kế hoạch số 03 /KH-UBBC ngày 09 tháng 2 năm 2021 của Ủy ban bầu cử thị xã Ba Đồn)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung các bước tiến hành công việc bầu cử | Chậm nhất trước ngày bầu cử | Ngày chậm nhất trước ngày bầu cử 23/5/2021 | Luật Bầu cử năm 2015 | Ghi chú |
| 1 | Công bố ngày bầu cử (chậm nhất là 115 ngày trước ngày bầu cử). | 115 ngày | 28/01/2021 (Thứ 5) | Điều 5 |  |
| 2 | Thường trực HĐND thị xã, Thường trực HĐND xã, phường, thị trấn dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình. | 105 ngày | 07/02/2021 (Chủ nhật) | Điều 9 |  |
| 3 | UBND thị xã; UBND xã, phường thành lập Ủy ban bầu cử | 105 ngày | 07/02/2021 (Chủ nhật) | Điều 22 |  |
| 4 | UBMTTQVN thị xã và các xã, phường tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất | 95 ngày | 17/02/2021 (Thứ 4) | Khoản 1, Điều 39 và Điều 50 |  |
| 5 | Thường trực HĐND các cấp căn cứ vào kết quả hiệp thương lần thứ nhất để điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND (Điều chỉnh lần thứ Nhất) | 90 ngày | 22/02/2021 (Thứ 2) | Điều 51 |  |
| 6 | Ủy ban bầu cử ở các cấp ấn định và công bố đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử (theo đề nghị của UBND cùng cấp) | 80 ngày | 04/3/2021 (Thứ 5) | Khoản 3, Điều 10 |  |
| 7 | UBND thị xã và UBBC các xã, phường sau khi thống nhất với TT HĐND và BTT UBMT cùng cấp quyết định thành lập Ban Bầu cử đại biểu HĐND cấp mình ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu HĐND | 70 ngày | 14/3/2021 (Chủ nhật) | Khoản 2, Điều 24 |  |
| 8 | Công dân ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định phải nộp hồ sơ ứng cử chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử. | 70 ngày | 14/3/2021 (Chủ nhật) | Điều 35 |  |
| 9 | UBMTTQ thị xã và các xã, phường tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai | 65 ngày | 19/3/2021 (Thứ 6) | Khoản 1, Điều 44 và Điều 53 |  |
| STT | Nội dung các bước tiến hành công việc bầu cử | Chậm nhất trước ngày bầu cử | Ngày chậm nhất trước ngày bầu cử 23/5/2021 | Luật Bầu cử năm 2015 | Ghi chú |
| 10 | UBND cấp xã sau khi thống nhất với TT HĐND và Ban TTMTTQVN cùng cấp quyết định thành lập Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu | 50 ngày | 03/4/2021 (Thứ 7) | Điều 25 |  |
| 11 | Niêm yết danh sách cử tri (chậm nhất 40 ngày); Tiến hành xong việc xác minh và trả lời về các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử ĐBQH, đại biểu HĐND | 40 ngày | 13/4/2021 (Thứ 3) | Khoản 4,Điều 32;  Điều 46, Điều 55 |  |
| 12 | UBMTTQ thị xã và các xã, phường tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba | 35 ngày | 18/4/2021 (Chủ nhật) | Khoản 1, Điều 49 và Điều 56 |  |
| 13 | Ban TT UBMTTQ Việt Nam thị xã và các xã, phường phải gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu HĐND đến Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam cấp trên trực tiếp và Thường trực HĐND, Ủy ban bầu cử cùng cấp. | 30 ngày | 23/4/2021 (Thứ 6) | Khoản 1, Điều 58 |  |
| 14 | Ủy ban bầu cử các cấp phải lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử. | 25 ngày | 28/4/2016 (Thứ 4) | Khoản 2, Điều 58 |  |
| 15 | Tổ bầu cử phải niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở khu vực bỏ phiếu. | 20 ngày | 03/5/2021 (Thứ 2) | Điều 59 |  |
| 16 | Thời gian vận động bầu cử bắt đầu từ ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử và kết thúc trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ |  | 22/5/2021 - 7 giờ sáng | Điều 64 |  |
| 17 | Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng hình thức niêm yết, phát thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương. | 10 ngày trước ngày bầu cử | 13/5/2021 (Thứ 5) | Điều 70 |  |
| 18 | *Ngày Bầu cử 23/5/2021, Chủ Nhật* |  | 23/5/2021 Chủ Nhật |  |  |
| STT | Nội dung các bước tiến hành công việc bầu cử | Chậm nhất trước ngày bầu cử | Ngày chậm nhất trước ngày bầu cử 23/5/2021 | Luật Bầu cử năm 2015 | Ghi chú |
| 20 | Ban bầu cử lập và gửi biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu HĐND ở đơn vị bầu cử đến UBBC, TT HĐND, UBND, UBMTTQ cùng cấp | 05 ngày | 28/5/2021 | Khoản 4 Điều 77 |  |
| 21 | Ủy ban bầu cử căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình | 10 ngày | 03/6/2021 | Khoản 2, Điều 86 |  |
| 22 | Bầu cử thêm; Bầu cử lại; Hủy bỏ kết quả bầu cử và quyết định bầu cử lại (nếu có) | 15 ngày | 08/6/2021 | Điều 79, 80, 81 |  |
| 23 | Hội đồng bầu cử quốc gia căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội | 20 ngày | 13/6/2021 | Khoản 1, Điều 86 |  |
| 24 | 1. Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội  Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu HĐND phải được gửi đến UB bầu cử chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu HĐND  2. Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm xem xét, giải quyết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại  Ủy ban bầu cử có trách nhiệm xem xét, giải quyết trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại |  |  | Khoản 1, Khoản 2 Điều 87 |  |